

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HOÀI NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 35/2024/QĐST-HNGĐ
V/v yêu cầu hủy việc kết hôn
trái pháp luật và công nhận
quan hệ hôn nhân.

Hoài Nhơn, ngày 09 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Trần Hồng Hoàng.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Trần Tuyết Mai – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tham gia phiên họp:
Bà Nguyễn Trường Minh Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 24/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2024 về việc Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 186/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông **Phạm Văn Đ**, sinh năm 1967

Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1967

Cùng địa chỉ: **Khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.**

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Không có.

- Những người tham gia tố tụng khác: Không có.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và bản tự khai, ông **Phạm Văn Đ**, bà **Nguyễn Thị T** trình bày: Ông **Đ**, bà **T** đăng ký kết hôn ngày 23/11/1985 tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) **H**. Nhưng thời điểm kết hôn, ông **Đ** chỉ mới 18 tuổi 9 tháng nên chưa đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Và trong giấy đăng ký kết hôn thì tên của ông **Đ** cũng sai so với tên trong giấy trích lục khai sinh. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc đến nay và đã có với nhau hai người con. Nay ông **Đ** bà **T**

yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của ông bà và yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân từ thời điểm ông Đ đủ tuổi kết hôn theo qui định. Bà T trình bày hộ gia đình của cha bà không có ai tên là Nguyễn Thị T1 sinh ngày 04/8/1970 mà chỉ có bà là Nguyễn Thị T nên việc cha bà kê khai là có nhầm lẫn. Ông Đ trình bày mẹ ông không có người con nào là Phạm Văn Đ sinh năm 1966 nên việc mẹ ông kê khai là có nhầm lẫn.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định về việc giải quyết việc dân sự: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án trong thời gian chuẩn bị xét đơn yêu cầu và tại phiên họp; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết việc dân sự: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ông Đ bà T về việc hủy việc kết hôn trái pháp luật, công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Đ và bà T kể từ ngày 12/02/1987. Về lệ phí sơ thẩm: Ông Đ, bà T phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Vợ chồng ông Phạm Văn Đ bà Nguyễn Thị T, cùng trú tại: Khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và cùng yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân từ thời điểm đủ tuổi kết hôn. Giấy công nhận kết hôn của ông Đ bà T do Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) H, huyện (nay là thị xã) Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định cấp ngày 23/11/1985. Căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định và quan hệ pháp luật được xác định là Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân.

[2] Về yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật: Theo thông tin của Công an thị xã H cung cấp tại Công văn số 1736/CATX-QLHC ngày 20/6/2024 thì: Căn cứ tàng thư hồ sơ cư trú số 21679-000810 do bà Nguyễn Thị N sinh ngày 08/01/1922 làm chủ hộ lưu tại tàng thư hồ sơ cư trú Công an thị xã H tại thời điểm ngày 10/4/1977, hộ bà N kê khai thông tin của ông Đ trong bản khai danh sách nhân khẩu là Phạm Văn Đ, sinh ngày 12/02/1966. Theo ông Đ và các giấy tờ do ông cung cấp thì từ trước đến nay ngày sinh của ông là ngày 12/02/1967 nên việc bà N kê khai ông sinh ngày 12/02/1966 là nhầm lẫn. Khi đăng ký kết hôn ông Đ khai ngày sinh 12/02/1967 là đúng theo Giấy khai sinh và Căn cước công dân của ông. Căn cứ tàng thư hồ sơ cư trú số 21679-000338 do ông Nguyễn Đ1 sinh ngày 02/9/1926 làm chủ hộ lưu tại tàng thư hồ sơ cư trú Công an thị xã H tại thời điểm ngày 14/4/1977, hộ ông Đ1 chỉ kê khai thông tin của bà Nguyễn Thị T1, sinh ngày 04/8/1970. Theo bà T thì hộ gia đình của cha bà không có ai tên như ông Đ1 đã kê khai mà chỉ có bà là Nguyễn Thị T nên đây là

sự nhầm lẫn của ông Đ1 khi kê khai. Như vậy, tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 23/11/1985, ông Đ bà T đã tự nguyện kết hôn, đăng ký tại đúng cơ quan có thẩm quyền nhưng đã kê khai không chính xác ngày sinh của bà T, cũng như họ tên của ông Đ và ông Đ chưa đủ tuổi kết hôn theo qui định tại Điều 6 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959. Do đó, việc kết hôn giữa ông Đ và bà T theo Giấy công nhận kết hôn số 40, quyển số 1, đăng ký ngày 23/11/1985 tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) H, huyện (nay là thị xã) Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định là trái pháp luật. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của ông Đ, bà T.

[3] Về yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân: Vợ chồng ông Đ bà T tự nguyện đi đến hôn nhân, từ khi đăng ký kết hôn ngày 23/11/1985 đến nay ông bà chung sống hòa thuận, hạnh phúc, có với nhau 02 người con. Căn cứ Căn cước công dân thì ông Đ sinh ngày 12/02/1967, bà Thu sinh ngày 04/8/1967 và đến ngày 12/02/1987 ông Đ đủ tuổi kết hôn, đến ngày 04/8/1985 bà T đủ tuổi kết hôn. Ông Đ bà T cùng có yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân kể từ khi ông Đ đủ tuổi kết hôn nên theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Phạm Văn Đ sinh ngày 12/02/1967 và bà Nguyễn Thị Thu s ngày 04/8/1967 kể từ ngày 12/02/1987.

[4] Về lệ phí: Ông Đ bà T phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về dân sự là 300.000 đồng.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tại phiên họp về việc giải quyết việc dân sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; các điều 149, 370, 371, 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959; các điều 8, 11, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn Đ, bà Nguyễn Thị T. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị T theo Giấy công nhận kết hôn số 40, quyển số 1, đăng ký ngày 23/11/1985 tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) H, huyện (nay là thị xã) Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Phạm Văn Đ sinh ngày 12/02/1967 và bà Nguyễn Thị Thu s ngày 04/8/1967 kể từ ngày 12/02/1987.

- Về lệ phí: Ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị T phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về dân sự là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ông Đ bà T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số 0006483 ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định nên được khấu trừ, ông Đ bà T đã nộp xong.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Trường hợp họ không có mặt tại phiên họp giải quyết việc dân sự thì thời hạn đó được tính từ ngày họ nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- Người yêu cầu;
- Ủy ban nhân dân phường Hoài Xuân;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Trần Hồng Hoàng